

QUYẾT ĐỊNH

Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý dự án công trình giao thông Nghệ An

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;
Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15;
Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14;
Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;
Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 283/2025/NĐ-CP ngày 31/10/2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ;
Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;
Căn cứ Quyết định số 617/QĐ-UBND ngày 12/02/2026 của UBND tỉnh Nghệ An về việc chuyển giao Ban Quản lý dự án công trình giao thông Nghệ An trực thuộc Sở Xây dựng về trực thuộc UBND tỉnh quản lý;
Theo đề nghị của Ban Quản lý dự án công trình giao thông Nghệ An tại Tờ trình số 336/TTr-BQLDA ngày 07/4/2026 và của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 515/TTr-SNV ngày 04/5/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tên gọi, vị trí, chức năng

1. Tên gọi: Ban Quản lý dự án công trình giao thông Nghệ An.

Tên tiếng Anh: Nghe An Transport Construction Project Management Unit (viết tắt: NAT PMU).

2. Vị trí: Ban Quản lý dự án công trình giao thông Nghệ An (sau đây viết tắt là Ban Quản lý dự án) là đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư (nhóm 1) trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An quản lý, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật.

3. Chức năng

Ban Quản lý dự án hoạt động theo hình thức ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành; thực hiện chức năng chủ đầu tư và trực tiếp tổ chức, quản lý



các dự án đầu tư xây dựng thuộc các lĩnh vực quy hoạch, hạ tầng đô thị, giao thông cầu, đường bộ và các dự án khác trên địa bàn tỉnh khi được cấp có thẩm quyền giao, đảm bảo phù hợp với yêu cầu quản lý nguồn vốn, kinh nghiệm, năng lực quản lý và quy định pháp luật; thực hiện tư vấn quản lý dự án, tư vấn giám sát xây dựng công trình và các dịch vụ tư vấn khác phù hợp với quy định của pháp luật trên cơ sở bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ được giao và đáp ứng yêu cầu về điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các chức năng khác do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Nhiệm vụ, quyền hạn và nghĩa vụ

1. Quyền của chủ đầu tư trong việc lập và quản lý thực hiện dự án đầu tư xây dựng:

a) Lập, quản lý dự án khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của Luật Xây dựng năm 2014;

b) Yêu cầu cơ quan, tổ chức có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu về lập, quản lý dự án;

c) Tổ chức lập, quản lý dự án; quyết định thành lập, giải thể Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng một dự án theo thẩm quyền;

d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Chủ đầu tư có các nghĩa vụ trong việc lập và quản lý thực hiện dự án đầu tư xây dựng:

a) Xác định yêu cầu, nội dung nhiệm vụ lập dự án; cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết trong trường hợp thuê tư vấn lập dự án; tổ chức nghiệm thu kết quả lập dự án và lưu trữ hồ sơ dự án đầu tư xây dựng;

b) Chịu trách nhiệm về cơ sở pháp lý, tính chính xác của các thông tin, tài liệu được cung cấp cho tư vấn khi lập dự án; trình dự án với cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật;

c) Lựa chọn tổ chức, cá nhân tư vấn có đủ năng lực, kinh nghiệm để thẩm tra dự án theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức thẩm định dự án và của người quyết định đầu tư;

d) Tổ chức quản lý thực hiện dự án theo quy định tại Điều 66 của Luật Xây dựng năm 2014;

đ) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện dự án; định kỳ báo cáo việc thực hiện dự án với người quyết định đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

e) Thu hồi vốn, trả nợ vốn vay đối với dự án có yêu cầu về thu hồi vốn, trả nợ vốn vay.

3. Quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư trong khảo sát xây dựng: Thực hiện theo Điều 76 của Luật Xây dựng năm 2014.

4. Quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư trong việc thiết kế xây dựng: Thực hiện theo khoản 27, Điều 1 Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng.

5. Quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư trong việc thi công xây dựng công trình: Thực hiện theo Điều 112 của Luật Xây dựng năm 2014.

6. Quyền và nghĩa vụ của ban quản lý dự án: Quyền và nghĩa vụ của ban quản lý dự án thực hiện theo Điều 69 của Luật Xây dựng năm 2014.

7. Thực hiện quyền và nghĩa vụ của nhà thầu tư vấn theo quy định tại Điều 70 của Luật Xây dựng năm 2014, Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng và quy định pháp luật có liên quan.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao và theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức bộ máy, biên chế

1. Ban Giám đốc: 01 Giám đốc và không quá 03 Phó Giám đốc. Trong thời hạn 05 năm kể từ ngày có Quyết định chuyển giao, thực hiện sắp xếp, bố trí số lượng cấp phó của Ban Quản lý dự án theo đúng số lượng quy định.

a) Giám đốc Ban Quản lý dự án là người đứng đầu Ban, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về toàn bộ việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban quản lý dự án; được ủy quyền, phân công cho Phó Giám đốc ký một số văn bản khi cần thiết;

b) Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án là người giúp việc cho Giám đốc Ban chỉ đạo một số lĩnh vực công tác và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Ban, Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về lĩnh vực được phân công. Khi Giám đốc vắng mặt, một trong các Phó Giám đốc được Giám đốc ủy quyền điều hành các hoạt động của Ban quản lý dự án.

c) Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, cho từ chức, thôi giữ chức vụ, nghỉ hưu và thực hiện chế độ chính sách khác đối với Giám đốc, các Phó Giám đốc do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật và quy định về phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức của cấp có thẩm quyền.

2. Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ: 08 phòng, gồm:

- a) Văn phòng;
- b) Phòng Kế hoạch - Tổng hợp;
- c) Phòng dự án 1;
- d) Phòng dự án 2;
- đ) Phòng dự án 3;
- e) Phòng dự án 4;
- f) Phòng Thẩm định - Chất lượng;
- g) Phòng Pháp chế - Giải phóng mặt bằng.



Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ và Văn phòng bố trí số lượng biên chế viên chức theo quy định của pháp luật.

Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, cho từ chức, thôi giữ chức vụ, nghỉ hưu và thực hiện chế độ chính sách khác đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng, Kế toán trưởng do Giám đốc Ban Quản lý dự án quyết định theo quy định của pháp luật và quy định về phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức của cấp có thẩm quyền.

3. Biên chế, số lượng người làm việc của Ban Quản lý dự án

a) Biên chế, số lượng người làm việc của Ban Quản lý dự án giai đoạn 2026-2030 không quá 98 người; trong đó có: 75 viên chức, 18 hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ và 05 hợp đồng hỗ trợ, phục vụ.

Biên chế và số lượng người làm việc của Ban Quản lý dự án được xác định trên cơ sở mức độ đảm bảo về tài chính, chức năng, nhiệm vụ được giao, đề án vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Giám đốc Ban Quản lý dự án có trách nhiệm xây dựng, điều chỉnh, bổ sung Đề án vị trí việc làm để làm cơ sở xác định số lượng người làm việc phù hợp với nhu cầu và nhiệm vụ được giao; quy định nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng chuyên môn, nghiệp vụ và tương đương theo đúng quy định.

b) Việc quản lý, tuyển dụng, sử dụng viên chức, hợp đồng lao động do Giám đốc Ban Quản lý dự án thực hiện theo quy định của pháp luật.

c) Căn cứ nhu cầu, khối lượng công việc cụ thể, ngoài số lượng nhân lực nêu trên, tùy từng thời điểm, Giám đốc Ban Quản lý dự án được chủ động ký kết và thanh lý các hợp đồng lao động ngắn hạn theo đúng quy định của pháp luật hiện hành để bảo đảm tiến độ, chất lượng và hiệu quả quản lý các dự án.

Điều 4. Kinh phí hoạt động:

Kinh phí hoạt động của Ban Quản lý dự án công trình giao thông thực hiện theo quy định và tương ứng với mức độ tự chủ tài chính của đơn vị.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành cấp tỉnh; Giám đốc Ban Quản lý dự án công trình giao thông; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*ST*

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Xây dựng;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Thanh An